

Bản án số: 98/2024/HS-PT.
Ngày: 06/9/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Lâm Tấn Vinh;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2024/TLPT-HS ngày 02/7/2024 đối với bị cáo **Lê Thanh Công H** do có kháng cáo của bị cáo **Lê Thanh Công H** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thanh Công H**; Sinh ngày: 12/3/1994; Nơi sinh: Xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: **Số A, Quốc lộ A, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Thanh H1** và bà **Trần Thị Mỹ C**; Có vợ là bà **Huỳnh Thị Như Q** sinh năm 2000 và 01 người con sinh năm 2024; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/11/2023 cho đến nay. (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại **Trần Quốc D**; Người đại diện hợp pháp của bị hại **Trần Thị Bích P, Trần Hữu T**; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Huỳnh Văn T1, Huỳnh Thị Như Q**; Người làm chứng **Nguyễn Minh N, Phan Minh T2, Trương Trí L, Trương Trí B, Mai T3, Trương Hồng T4, Huỳnh Thái V, Hồ Quốc V1, Nguyễn Văn M, Đinh Vy T5, Trần Trung N1, Nguyễn Duy K, Nguyễn Hoàng N2, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Nhật H2, Nguyễn Thanh S, Hồ Minh T7**; Người đại diện hợp pháp của người làm chứng **Hồ Minh T7**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/3/2023, Lê Thanh Công H cùng với vợ là Huỳnh Thị Như Q đang ở thành phố Cần Thơ nhắn tin cho Trần Quốc D về việc D nợ tiền hụi của Q thì xảy ra mâu thuẫn, D kêu H và Q xuống Trường Trung học cơ sở X (ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng) để nói chuyện và D kêu H và Q kéo đông đông xuống. H nghĩ là sẽ có đánh nhau nên H điện thoại rủ P1 (không rõ nơi ở) là người quen của H để đi cùng và H nói cho P1 nghe việc D nợ tiền hụi không trả mà còn thách thức. P1 kêu H đi xuống gặp D. Đối với Q kể lại sự việc D nợ tiền hụi không trả mà còn thách thức cho Huỳnh Thị Quỳnh N3 (là em ruột Q) và Nguyễn Minh N biết và kêu N đi chung và kiếm thêm người để đi gặp D, thì N đồng ý và điện thoại rủ Huỳnh Thái V (là bạn học chung) đi cùng, thì V đồng ý và hẹn gặp nhau tại Quán C1 ở chợ C2 thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để cùng đi. Sau đó, H chở Q, Minh N chở Huỳnh N3 đi tới cầu vượt C thì gặp P1 điều khiển xe mô tô từ hướng Cần Thơ đi tới cùng nhau đi đến Trường THCS X để gặp anh D.

Sau khi nghe điện thoại của Minh N, V đi đến Quán C1 gặp Hồ Quốc V1, Hồ Minh T7, Nguyễn Văn M và Đinh Vy T5 thì V rủ đi hỗ trợ N thì V1, T7, M, T5 đồng ý. Lúc này, V1 điện thoại rủ thêm nhóm bạn ở thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang gồm Trần Trung N1, Nguyễn Duy K, Nguyễn Hoàng N2, Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Nhật H2 đến tập trung cùng nhóm của V1 để đợi Minh N. Đối với D tiếp tục nhắn tin thách thức thì H đưa những tin nhắn cho P1 xem. Khi đến Quán C1, Minh N chở Như ghé lại kêu nhóm của V đi. Lúc này, nhóm của V gồm có V, V1, K, T6, T7, M, T5, T, N2, H2 chạy theo sau xe của Minh N. Khi đến Trường THCS X, xe của H, P1, Minh N đậu ngoài lộ đal trước quán của bà T4 gần cổng T8, còn nhóm của V thì đậu xe trước cổng T8. Lúc này, H, Q, P1, Minh N và Như bước xuống xe, H, Q và P1 đi vô đứng trong sân quán của bà T4; Q kêu D ra nói chuyện, còn P1 thì hỏi tìm D. Lúc này, D và Phan Minh T2 ngồi uống nước chung bàn cặp vách tường trường học, D nghe Q và P1 kêu nên D đứng lên thì H đi lại chỗ D để đánh D, nhưng H chưa kịp đánh D thì P1 cầm cây dao tự chế trên tay nhào tới chém vào người D, D đưa hai tay lên ôm đầu, P1 tiếp tục chém nhiều cái trúng vào tay của D, ngay lúc này H chụp lấy mũ bảo hiểm úp trên yên xe đậu gần đó nhào tới đánh trúng 3-4 cái vào vai và tay phải của D. Thấy D bị chém, đánh thì anh T2 đứng lên dùng hai tay xô D và P1 ra để can ngăn, thì P1 quay sang chém trúng 01 cái vào cẳng tay trái của T2. Thấy P1 chém T2 nên H bỏ mũ bảo hiểm đang cầm trên tay xuống, can ngăn P1 không cho chém T2 nên P1 cầm dao đi ra lộ, còn D thì đi vô trước hàng ba quán của bà T4, P1 tiếp tục cầm dao chạy theo phía sau D chém trúng 02 cái vào hông bên trái của D, H chạy vô dùng tay phải đánh trúng hai cái vào tay và vai trái của D và H lấy mũ bảo hiểm trên bàn trong quán đánh trúng vào đầu D. Trong lúc H đánh D thì P1 cầm dao tiếp tục chém T2 trúng 01 cái vào cẳng tay trái của T2 và cây dao trượt xuống trúng vào chỗ bàn tang bên trái của T2. Lúc này,

trong quán có người la lên, **H** dừng lại không đánh **D** nữa mà ném cái nón xuống nền gạch của quán và **P1** cũng dừng lại không chém **T2** nữa. Sau đó, **H** và **P1** bỏ đi, còn **D** và **T2** được đưa đi cấp cứu, điều trị thương tích từ ngày 08/3/2023 đến ngày 14/3/2023 xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định số 206/KLTTCT-TTPYST ngày 12/5/2023 của Trung tâm Pháp y - **Sở Y tế tỉnh S** kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Trần Quốc D** tại thời điểm giám định là 25%.

Tại Bản kết luận giám định số 207/KLTTCT-TTPYST ngày 12/5/2023 của Trung tâm Pháp y - **Sở Y tế tỉnh S** kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Phan Minh T2** tại thời điểm giám định là 11%.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS-KS ngày 11/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng để xét xử đối với **Lê Thanh Công H** về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với **P1** được xác định là người trực tiếp dùng dao chém **D** với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 25% và **T2** với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 11% nhưng Cơ quan điều tra chưa làm làm việc được với **P1**, chưa có đầy đủ thông tin về **P**. Do đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện K** đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 223/QĐ-ĐTTH ngày 15/3/2024 để tiếp tục điều tra về hành vi của **P1**.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Lê Thanh Công H**.

- Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thanh Công H** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo **Lê Thanh Công H** 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

* Ngày 01/7/2024, bị cáo **Lê Thanh Công H** kháng cáo xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Lê Thanh Công H** giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo **Lê Thanh Công H** phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **H** mức án 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, vai trò của bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Xét bị cáo có đủ điều kiện để được cân nhắc, xem xét cho hưởng án treo theo quy định Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo là người khởi xướng và cùng với **P1** cố ý xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo **Lê Thanh Công H** lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 01/7/2024 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo **Lê Thanh Công H** về việc xin hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo **Lê Thanh Công H** như sau: Vào ngày 08/3/2023, xuất phát từ mâu thuẫn với **Trần Quốc D** về việc **D** nợ tiền hội của **Huỳnh Thị Như Q** không trả và có lời lẽ thách thức nhắn tin qua điện thoại, **Lê Thanh Công H** cùng với vợ là **Huỳnh Thị Như Q** đang ở thành phố Cần Thơ đã rủ nhiều người trong đó có **P1** (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi đến **Trường Trung học cơ sở X** tìm **D**. Khi đến quán của bà **T4** (gần cổng **Trường Trung học cơ sở X**), **H**, **Q** và **P1** đi vô đứng trong sân quán của bà **T4**; **Q** kêu **D** ra nói chuyện, còn **P1** thì hỏi tìm **D**. Lúc này, **D** và **Phan Minh T2** ngồi uống nước chung bàn cặp vách tường trường học, **D** nghe **Q** và **P1** kêu nên **D** đứng lên thì **H** đi lại chỗ **D** để đánh **D**, nhưng **H** chưa kịp đánh **D** thì **P1** cầm cây dao tự chế trên tay nhào tới chém vào người **D**, **D** đưa hai tay lên ôm đầu, **P1** tiếp tục chém nhiều cái trúng vào tay của **D**, ngay lúc này **H** chụp lấy mũ bảo hiểm úp trên yên xe đậu gần đó nhào tới đánh trúng 3-4 cái vào vai và tay phải của **D**. Thấy **D** bị chém, đánh thì anh **T2** đứng lên dùng hai tay xô **D** và **P1** ra để can ngăn, thì **P1** quay

sang chém trúng 01 cái vào cẳng tay trái của T2. Thấy P1 chém T2 nên H bỏ mũ bảo hiểm đang cầm trên tay xuống, can ngăn P1 không cho chém T2 nên P1 cầm dao đi ra lộ, còn D thì đi vô trước hàng ba quán của bà T4, P1 tiếp tục cầm dao chạy theo phía sau D chém trúng 02 cái vào hông bên trái của D, H chạy vô dùng tay phải đánh trúng hai cái vào tay và vai trái của D và H lấy mũ bảo hiểm trên bàn trong quán đánh trúng vào đầu D. Trong lúc H đánh D thì P1 cầm dao tiếp tục chém T2 trúng 01 cái vào cẳng tay trái của T2 và cây dao trượt xuống trúng vào chỗ bàn tang bên trái của T2. Khi có người truy hô thì H và P1 bỏ đi. Theo kết luận giám định, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Quốc D do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 25% và tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phan Minh T2 do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 11%. Xét bị cáo H đã cùng P1 dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại D với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 25%. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Lê Thanh Công H phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thanh Công H: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xác định bị cáo H sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền là 15.000.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, bị hại có một phần lỗi và bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo H là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo H mức án 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của bị cáo trong vụ án, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo H. Xét mặc dù bị cáo H bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện có thể xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, xét trong vụ án này, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã khởi xướng, rủ rê nhiều người đi tìm bị hại và chính bị cáo đã cùng P1 thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại D, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Đồng thời, tình trạng giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực xảy ra khá phổ biến trên địa bàn làm tình hình tội phạm xâm hại sức khỏe, tính mạng của người khác có chiều hướng tăng và phức tạp, nên cần phải xử lý nghiêm người phạm tội mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc cho bị cáo hưởng

án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo **H**, giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo **H** của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **H** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thanh Công H**, về việc xin hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo **Lê Thanh Công H** của Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2024/HS-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 3 Điều 134; Điều 17; Các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Lê Thanh Công H**.

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh Công H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo **Lê Thanh Công H** chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện K (02);
- VKSND huyện K (01);
- CQĐT-Công an huyện K (01);
- CQTHAHS-Công an huyện K (01);
- Chi cục THADS huyện K (01);
- Bị cáo (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vũ